

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 5 – 2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Tây

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Tuốc

Ông Lê Minh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lil – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng là Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đoàn Thị M, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 11, xã V, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: khu vực B, phường V1, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng X.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ Chủ tịch hội đồng thành viên Ngân hàng X.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Xuân D, chức vụ phó giám đốc Ngân hàng X chi nhánh L (có mặt).

Địa chỉ: Khu vực 2, phường A, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Đoàn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 21/11/2008 chị Đoàn Thị M và anh Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới, sau đó anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L1, tỉnh Hậu Giang (nay là phường V1, thị xã L, tỉnh Hậu Giang), hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 người con chung. Nhưng về sau cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trong lời nói, sinh hoạt trong gia đình, anh T thường xuyên tham gia bài bạc, thường xuyên bỏ nhà đi không về, chị M đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được. Hiện tại chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Trong quá trình sống chung chị M và anh T có 02 người con, tên Nguyễn Ngọc Anh T1 (giới tính: Nam), sinh ngày: 06/9/2009 và cháu Nguyễn Ngọc Anh K (giới tính: Nam), sinh ngày: 02/9/2015. Hai cháu hiện đang sống với chị M, sau khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu, chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có nhưng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống chị M và anh T có nợ của Ngân hàng X, chi nhánh L số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đến hiện tại. Khi ly hôn chị M đồng ý đứng ra trả số tiền còn nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng X, chi nhánh L.

Trong quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Văn T có lời trình bày là thừa nhận lời trình bày của chị M là đúng về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn thì không đúng, anh không đồng ý ly hôn với chị M, anh xin được đoàn tụ lại vì anh còn thương vợ con. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh đồng ý để chị M nuôi dưỡng cháu T1 và cháu K, tài sản chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung anh đồng ý để chị M đứng ra trả số tiền còn nợ là 250.000.000 đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng X, chi nhánh L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng X, chi nhánh L, đại diện theo ủy quyền bà Lê Thị Xuân D trình bày: Việc vợ chồng chị Đoàn Thị M và anh Nguyễn Văn T vay tiền của Ngân hàng X, chi nhánh L số tiền 250.000.000 đồng. Đến nay chị M và anh T yêu cầu ly hôn thì Ngân hàng X, chi nhánh L yêu cầu chị M và anh T có nghĩa vụ trả số tiền vốn còn nợ là 250.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đến thời điểm hiện tại cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Mỹ phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Từ khi tòa án thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán được phân công đã chấp hành đúng quy định tại Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định mối quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, gửi quyết định xét xử cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo thủ tục quy định về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị M và anh Nguyễn Văn T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn. Cho chị M được ly hôn với anh T, về con chung, giao cháu Nguyễn Ngọc Anh T1 (giới tính: Nam), sinh ngày: 06/9/2009 và cháu Nguyễn Ngọc Anh K (giới tính: Nam), sinh ngày: 02/9/2015 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, chị M chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nên chưa xem xét. Về phần tài sản chung chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng X, buộc chị M và anh T cùng trả số tiền còn nợ của Ngân hàng X, chi nhánh L là 250.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 21/11/2008 chị M và anh T tổ chức lễ cưới, sau đó anh chị đăng ký kết hôn tại xã B, huyện L1, tỉnh Hậu Giang (nay là phường V1, thị xã L, tỉnh Hậu Giang) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong thời gian chung sống hạnh phúc anh chị đã có con chung, sau đó cuộc sống

của vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên tham gia bài bạc, bỏ nhà đi không về, chị M đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng không được.

Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh T, từ đó chứng minh rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, việc chị M yêu cầu được ly hôn với anh T là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Trong quá trình sống chung chị M và anh T có 02 người con, tên Nguyễn Ngọc Anh T1 (giới tính: Nam), sinh ngày: 06/9/2009 và cháu Nguyễn Ngọc Anh K (giới tính: Nam), sinh ngày: 02/9/2015. Sau khi ly hôn chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu, anh T cũng đồng ý để chị M tiếp tục nuôi dưỡng cháu T1 và cháu K. Tại bản tự khai của cháu T1 cũng thể hiện nguyện vọng của cháu xin được sống chung với chị M, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con”*. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Anh T1 và cháu Nguyễn Ngọc Anh K. Chị M chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T không ai được quyền cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị M và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về nợ chung: Trong quá trình chung sống chị M và anh T có nợ của Ngân hàng X, chi nhánh L số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đến hiện tại. Khi ly hôn chị M đồng ý đứng ra trả số tiền còn nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng X, chi nhánh L. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng X chi nhánh L yêu cầu chị M, anh T cùng trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng là 250.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đến hiện tại 6.389.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án anh T và chị M đều thừa nhận khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng X chi nhánh L yêu cầu anh T và chị M cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, anh T và chị M cũng đồng ý trả và mỗi người có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng X. Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi phát sinh anh Nguyễn

Văn T và chị Đoàn Thị M còn nợ Ngân hàng X là 250.000.000 đồng + 6.389.000 đồng = 256.389.000 đồng, anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả số tiền $\frac{1}{2}$ của 256.389.000 đồng là 128.194.500 đồng, và chị Đoàn Thị M có nghĩa vụ trả số tiền $\frac{1}{2}$ của 256.389.000 đồng là 128.194.500 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị Đoàn Thị M phải chịu nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ngoài ra anh Nguyễn Văn T và chị Đoàn Thị M còn phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng X, chi nhánh L mỗi người phải chịu là 6.409.725 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 9; Điều 37; Điều 53, Điều 56; Điều 60; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Đoàn Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Anh T1 (giới tính: Nam), sinh ngày: 06/9/2009 và cháu Nguyễn Ngọc Anh K (giới tính: Nam), sinh ngày: 02/9/2015. Chị M chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên chưa xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Buộc anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng X chi nhánh L số tiền 128.194.500 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu một trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

Buộc chị Đoàn Thị M trả cho Ngân hàng X chi nhánh L số tiền 128.194.500 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu một trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng). Anh Nguyễn Văn T và chị Đoàn Thị M phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng số tín dụng số 7002-LAV-201702210/HĐTD ngày 25/5/2017 từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi hoàn thành việc trả nợ.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Đoàn Thị M phải nộp 300.000 đồng. Nguyên đơn Đoàn Thị M được khấu trừ tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0015422 phiếu lập ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Đoàn Thị M phải chịu 6.409.725 đồng (Sáu triệu bốn trăm lẻ chín nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng). Bị đơn Nguyễn Văn T phải chịu 6.409.725 đồng (Sáu triệu bốn trăm lẻ chín nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng).

Ngân hàng X có người đại diện theo ủy quyền Lê Thị Xuân D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0015475 ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

6. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Long Mỹ;
- Chi cục THADS TX Long Mỹ;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)
Lư Trường Tây**

